

Số: 26/2021/QĐST-HNGĐ

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 325/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn và cấp dưỡng*” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Linh Đ, sinh năm 1990. Đăng ký thường trú: khóm N, phường B1, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện tại: Khu phố QT, phường B T, huyện D A, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1982. Địa chỉ: khóm N, phường B1, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **23 tháng 02 năm 2021**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 **tháng 02 năm 2021** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Linh Đ và anh Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Linh Đ và anh Nguyễn Văn S thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Linh Đ và anh Nguyễn Văn S thống nhất thỏa thuận:

Chị Nguyễn Thị Linh Đ và anh Nguyễn Văn S thống nhất xác định có với nhau 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thành T, sinh ngày 23/10/2006 và Nguyễn Ngọc Thanh T sinh ngày 06/4/2012 hiện nay đang sống cùng anh S. Chị Đ đồng ý giao cháu T, cháu T cho anh S được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T, cháu T đủ 18 tuổi.

Chị Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ và anh S thống nhất thỏa thuận, hàng tháng chị Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng để anh S nuôi cháu T, cháu T, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu T, cháu T đủ 18 tuổi, về phương thức giao nhận tiền cấp dưỡng chị Đ và anh S tự thỏa thuận.

Chị Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh S tự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Linh Đ và anh Nguyễn Văn S thống nhất thỏa thuận cho chị Nguyễn Thị Linh Đ phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà **chị Đ** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004904 ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho **chị Đ** số tiền 150.000 đồng.

2.5. Về án phí cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Linh Đ phải chịu là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, chị Đ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND **phường B1, thành phố Sóc Trăng**;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trúc Phương

